

XYT870 Series (Gantry Type)

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT ROBOT TRỤC TỌA ĐỘ 2 TRỤC X-Y (DẠNG CỔNG / GANTRY TYPE)

SPECIFICATION SHEET

HÀNH TRÌNH TỐI ĐA (MAXIMUM STROKE) Trục X (X axis): 3500 mm Trục Y (Y axis): 750 mm	TỐC ĐỘ TỐI ĐA (MAXIMUM SPEED) Trục X (X axis): 2000 mm/s Trục Y (Y axis): 1000 mm/s	CÔNG SUẤT MOTOR (AC SERVO MOTOR OUTPUT) Trục X (X axis): 750 W Trục Y (Y axis): 400 W
--	--	--

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN / Specifications

Hạng mục (Item)	Trục X (X axis)	Trục Y (Y axis)
Kiểu trục (Model Type)	CFT22M	CFS17
Độ lặp lại vị trí (Repeatability)	±0.04 mm	±0.01 mm
Bước dẫn (Lead)	40 mm	20 mm
Tốc độ tối đa (Maximum Speed) ※3	2000 mm/s	1000 mm/s
Hành trình tiêu chuẩn (Stroke) Bước nhảy 50 mm (50 mm Pitch)	550 ~ 3500 mm	100 ~ 750 mm
Công suất động cơ Servo (AC Servo Motor Output)	750 W	400 W
Môi trường làm việc (Operating Environment)	0 ~ 40°C, độ ẩm dưới 85% RH (không ngưng tụ sương)	

※3: Tốc độ tối đa (mm/s) được tính toán dựa trên tốc độ vòng tua cực đại của động cơ AC Servo là 3000 vòng/phút (3000 RPM).

TẢI TRỌNG CÓ THỂ MANG THEO TỐI ĐA / Maximum Payload

Hành trình trục Y (Y Stroke) [mm]	Tải trọng trục Y (Y Payload) [kg]
100 ~ 750 mm	50 kg

* Chú ý lắp đặt: Chỉ áp dụng đối với phương thức lắp đặt nằm ngang (Only for horizontal installation).

QUY CÁCH ĐẶT HÀNG / Ordering Method

XYT870 - G 1 - 800 - 600 - T - C - 0001

1. Kiểu liên kết (Combination)

- G : Dạng cổng (Gantry Type)

2. Hướng kết hợp (Direction)

- 1 : Kiểu bố trí 1
- 2 : Kiểu bố trí 2
- 3 : Kiểu bố trí 3
- 4 : Kiểu bố trí 4

3. Hành trình các trục (Stroke)

- Trục X: 550 ~ 3500 mm (Bước nhảy 50mm)
- Trục Y: 100 ~ 750 mm (Bước nhảy 50mm)

4. Chuẩn lắp Motor (Installation)

- T : Chuẩn thông dụng gồm:
 - Mitsubishi
 - Delta
 - Yaskawa
 - Inovance, v.v.
- P : Chuẩn lắp motor Panasonic

5. Phương thức giao hàng & Mã đặt riêng

- C : Giao hàng nguyên cụm liên kết (By Set)
- K : Giao hàng theo từng module trục (By Kit)
- 0001: Mã yêu cầu quy cách đặc biệt (Special Order No.)